

Bản án số: 05/2023/DS-PT

Ngày: 13/01/2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung;

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Hiệu

Bà Lê Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Xuân Tú - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 101/2022/TLPT ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án số 23/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo của bị đơn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐ-PT ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị A - Sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Bà Trịnh Thị B - Sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Hà Quang C - Sinh năm 1967

+ Bà Lê Thị D - Sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Lê Thị Phi E - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn O, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

+ Chị Lê Thị F - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Liên Châu, xã Hợp Thắng, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

**- Người đại diện theo ủy quyền của chị E và chị F:** Chị Lê Thị A, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn X, xã Y, Z, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị A, bà B, bà D, chị E; vắng mặt ông C, chị F.

## NỘI VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:*

Ông Lê Ngọc Q và bà Lê Thị Thơ sinh được 03 người con gồm: Lê Thị Phi E, Lê Thị A và Lê Thị F. Bà Thơ chết năm 2003, ông Q chết năm 2017. Bố ông Q là cụ Lê Ngọc Cư, chết năm 1985, mẹ ông Q là cụ Vũ Thị Hương, chết năm 2002. Khi chết ông Q và bà Thơ đều không để lại di chúc.

Năm 2015 ông Lê Ngọc Q được Ủy ban nhân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 002803, có diện tích thửa đất 225,3m<sup>2</sup>, tại thửa số 138, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có chiều dài tứ cạnh như sau: Phía Tây giáp đường QL47C có chiều rộng 11,24; Phía Đông giáp hộ ông S có chiều rộng 10,57m; Phía Nam giáp đường thôn có chiều dài 19,68; Phía Bắc giáp hộ bà B có chiều dài 20,11m.

Sau khi kiểm tra lại phần diện tích đất của ông Q phát hiện phần đất của ông Q bị bà B lấn chiếm, cụ thể:

Phía Tây giáp đường QL47C bà B đã lấn sang phần đất của ông Q 1,36m chiều rộng; Phía Đông giáp phần đất ông S, bà B đã lấn chiếm 3m chiều rộng. Tổng diện tích bà B đã lấn sang phần đất của ông Lê Ngọc Q là 43,2m<sup>2</sup>.

Chị A và các con của ông Q đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã M giải quyết việc lấn chiếm đất của bà B.

Tại biên bản hoà giải về tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân xã M ngày 31/12/2020 đã kết luận bà Trịnh Thị B đã lấn chiếm đất của ông Lê Ngọc Q và yêu cầu bà B trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm chậm nhất đến ngày 10/01/2021, nhưng bà B vẫn cố tình không trả.

Nay chị A khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết buộc bà B trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm và tháo dỡ công trình trên đất của ông Lê Ngọc Q. Do diện tích đất của bà B hiện nhà ông C bà D lấn chiếm nên chị yêu cầu đưa ông C và bà D vào tham gia tố tụng.

*\* Bị đơn bà Trịnh Thị B trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Năm 1983 sau khi bà lấy chồng là ông Hà Quang Quang, bố mẹ chồng có cho vợ chồng bà 1 mảnh đất tại mặt đường QL 47C, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hà Quang Quang, đến năm 2004 vợ chồng bà có bán lại cho ông Lê Hoài Nam một phần diện tích đất, đến năm 2006 chồng bà chết; Năm 2014 em chồng là ông Hà Quang C có cho Công ty Tôn hoa sen thuê làm xưởng, vì không đủ diện tích làm xưởng nên ông C có bảo bà nhượng lại

phần đất của bà cho ông cho C, đồng thời ông C trao đổi với ông Q nhượng lại cho bà B một phần diện tích đất.

Năm 2014 bà Trịnh Thị B nhận chuyển nhượng của ông Lê Ngọc Q 196,9m<sup>2</sup> đất và nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị I 50m<sup>2</sup>. Tổng diện tích bà B nhận chuyển nhượng của ông Q và anh S, chị I là 246,9m<sup>2</sup>, Phần diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/01/2015, đứng tên bà Trịnh Thị B, có tứ cận như sau: Phía Tây giáp QL 47C có chiều rộng 10m; Phía Đông giáp hộ anh S có chiều rộng 10m; Phía Bắc giáp hộ ông C (Tôn hoa sen) có chiều dài 24,7m; Phía Nam giáp hộ ông Q có chiều dài 25,12m.

Khi bà B và ông Q chuyển nhượng đất cho nhau có sự chứng kiến của cán bộ địa chính xã, huyện và ông Q đã có mặt và cắm mốc đất cho bà, sau đó bà làm nhà và ở đó từ năm 2015 cho đến nay.

Hiện nay bà B đang sử dụng đúng phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, bà không có lấn chiếm đất của ông Q.

Nay bà B đề nghị Tòa án tiến hành đo đạc lại phần diện tích đất của hai hộ, nếu phần diện tích đất của bà đủ và đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp thì đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của chị A. Nếu đo đạc lại phần diện tích của bà thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp thì bà đồng ý trả đất cho ông Q theo đơn khởi kiện của chị A. Nếu diện tích đất nhà ông C bà D mà chồng lấn lên diện tích đất của bà thì bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày:*

Bà với ông Hà Quang C là vợ chồng. Vợ chồng bà có quan hệ với bà B là anh em bên chồng bà B.

Diện tích đất hiện nay vợ chồng bà đang sử dụng là đất bố mẹ để lại cho gia đình bà, sử dụng ổn định từ xưa đến nay, không lấn chiếm, tranh chấp với ai và đặc biệt không tiếp giáp với đất của gia đình chị A. Vì lý do trên bà không chấp nhận lời tố cáo vô căn cứ của chị A, đề nghị Tòa án bác đơn của chị A.

Chị A cho rằng diện tích đất gia đình bà sử dụng có lấn chiếm sang diện tích đất của bà B. Quan điểm bà đề nghị:

1/ Gia đình bà không lấn chiếm đất của bà B, do vậy cần đo thực tế hiện tại để xác định việc có lấn chiếm đất hay không.

2/ Trường hợp nếu đo xác định mà có chồng lấn đất thì do quan hệ anh em ruột với nhau, nên gia đình bà không yêu cầu giải quyết, nếu bà B yêu cầu khởi kiện thì gia đình bà chấp nhận. Nên trong vụ án này không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Với tư cách là đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Phi E và chị Lê Thị F. Chị Lê Thị A trình bày: Chị E và chị F đều thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị A là đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà B trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm của ông Lê Ngọc Q theo nội dung đơn khởi kiện.

***Tại bản án số 23/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định:***

**Căn cứ:** Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 12, Điều 166, Điều 167, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 235 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2 Luật người cao tuổi.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A

- Buộc bà Trịnh Thị B phải trả lại cho gia đình ông Lê Ngọc Q phần diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa số 138, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính xã M, huyện N, phía Tây giáp QL47C có chiều rộng 1,12m, phía Đông giáp đất của hộ ông S có chiều rộng 3,29m, phía nam có chiều dài 19,59m. Tổng diện tích là 43,2m<sup>2</sup>.

- Buộc bà Trịnh Thị B phải tháo dỡ những công trình xây dựng trên phần diện tích đất đã lấn chiếm của ông Lê Ngọc Q để trả lại mặt bằng cho hộ ông Lê Ngọc Q.

- Giao cho các con của ông Lê Ngọc Q gồm: Chị Lê Thị A, Lê Thị Phi E và Lê Thị F quản lý phần diện tích đất bà Trịnh Thị B đã lấn chiếm.

- Giành quyền quyền khởi kiện cho bà Trịnh Thị B, ông Hà Quang C và bà Lê Thị D đối với diện tích đất ông C, bà D lấn chiếm của bà Trịnh Thị B là 44,8m<sup>2</sup> bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

\* Ngày 12/10/2022, bà Trịnh Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo hướng: Không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị A, giữ nguyên hiện trạng của hai nhà.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:*** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không rút kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

**Về án phí:** Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trịnh Thị B vì bà là người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trịnh Thị B có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hà Quang C, chị Lê Thị F, nhưng những người này không kháng cáo, chị F có đại diện theo ủy quyền, ông C đã được tổng đạt hợp lệ các Quyết định của Tòa án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt là phù hợp.

#### **[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị B thấy rằng:**

\* Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/9/2022 và Bản trích đo hiện trạng thực tế ba hộ (hộ bà B, ông Q, ông C bà D) đang sử dụng, thể hiện:

- Đất của gia đình bà Trịnh Thị B: Ngày 23/01/2015, Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trịnh Thị B diện tích bà B nhận chuyển nhượng của ông Q và anh S, chị I là **246,9m<sup>2</sup>**, tại thửa số 139, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính xã M, có chiều dài, rộng tứ cận như sau: Phía Tây giáp QL 47C có chiều rộng 10m; Phía Đông giáp hộ anh S có chiều rộng 10m; Phía Bắc giáp hộ ông C có chiều dài 24,7m; Phía Nam giáp hộ ông Q và hộ anh S có chiều dài 25,12m.

Qua kiểm tra, đo đạc hiện trạng thực tế: Phía Tây giáp QL47C có chiều rộng 10m; Phía Đông giáp hộ anh S có chiều rộng 10,25m; Phía Bắc giáp hộ ông C có chiều dài 23,75m; Phía Nam giáp hộ ông Q và hộ anh S có chiều dài 23,66m. Tổng diện tích đất đo thực tế của bà B = **241,9m<sup>2</sup>** (Thiếu 5m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận);

- Đất của gia đình ông Lê Ngọc Q: Ngày 23/01/2015 Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Lê Ngọc Q tại thửa số 138, tờ bản đồ số 25, diện tích **225,3m<sup>2</sup>**, trong đó

đất ở = 160m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm = 65,3m<sup>2</sup>, có chiều dài, rộng tứ cạnh như sau: Phía Tây giáp đường QL47C có chiều rộng 11,24 m; Phía Đông giáp hộ ông S có chiều rộng 10,57m; Phía Nam giáp đường thôn có chiều dài 19,68; Phía Bắc giáp hộ bà B có chiều dài 20,11m.

Qua kiểm tra, đo đạc hiện trạng thực tế: Phía Tây giáp đường QL47C có chiều rộng 10,25m; Phía Đông giáp hộ ông S có chiều rộng 7,30m; Phía Nam giáp đường thôn có chiều dài 19,92m; Phía Bắc giáp hộ bà B có chiều dài 19,95m. Tổng diện tích đất đo thực tế của ông Q = **174,2 m<sup>2</sup>** (Thiếu 51,1m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận).

- Đất của gia đình ông Hà Quang C và bà Lê Thị D: Tổng diện tích đất sử dụng của 03 thửa gồm: Thửa số 15 diện tích 917,5m<sup>2</sup>, thửa số 24 diện tích 246,1m<sup>2</sup>, thửa số 25 diện tích 207,3m<sup>2</sup>. Tổng cộng là **1.370.9m<sup>2</sup>**.

Qua kiểm tra, đo đạc hiện trạng thực tế: Phía Tây giáp đường QL47C có chiều rộng 10,25m; Phía Đông giáp hộ ông S có chiều rộng 7,30m; Phía Nam giáp đường thôn có chiều dài 19,92m; Phía Bắc giáp hộ bà B có chiều dài 19,95m. Tổng diện tích đất đo thực tế của ông C bà D = **1.226.3m<sup>2</sup>**.

\* Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo theo tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ cho thấy:

- Hộ ông Q và bà B diện tích đất và hiện trạng thực tế sử dụng đất của hai hộ có sự sai lệch, không trùng với tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Phần diện tích đất đang còn thiếu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Ngọc Q hiện nay do bà Trịnh Thị B đang lấn chiếm: Phía Tây giáp QL 47C, bà Trịnh Thị B lấn chiếm vào phần đất của ông Lê Ngọc Q với chiều rộng là 1,12m; Phía Đông giáp hộ ông S, bà Trịnh Thị B lấn chiếm vào phần đất của ông Lê F Q với chiều rộng là 3,29m. Tổng diện tích đất bà B lấn chiếm của ông Lê Ngọc Q là 43,2m<sup>2</sup>. Trên phần đất lấn chiếm hiện nay bà B đã xây dựng tường rào hết đất và lợp mái tôn phía trên.

- Hộ ông C và bà B diện tích đất và hiện trạng thực tế sử dụng đất của hai hộ có sự sai lệch, không trùng với tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Phần diện tích đất đang còn thiếu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thị B hiện nay do ông Hà Quang C, bà Lê Thị D đang lấn chiếm: Phía Tây giáp QL 47C lấn chiếm vào phần đất của bà B với chiều rộng là 1,55m; Phía Đông giáp hộ ông S với chiều rộng là 3,40m. Tổng diện tích đất ông C, bà D lấn chiếm của bà Trịnh Thị B là 44,8m<sup>2</sup>. Trên phần đất lấn chiếm hiện nay ông C, bà D đã xây dựng nhà văn phòng làm việc của Tôn hoa sen tường gạch và lợp mái tôn phía trên.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở để xác định bà Trịnh Thị B đã lấn chiếm 43,2m<sup>2</sup> đất của ông Lê Ngọc Q, nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A buộc bà Trịnh Thị B phải có trách nhiệm tháo dỡ những công trình xây dựng

trên phần diện tích đất đã lấn chiếm của ông Lê Ngọc Q để trả lại mặt bằng cho hộ ông Q: Phía Tây giáp QL47C có chiều rộng 1,12m, phía Đông giáp đất của hộ ông S có chiều rộng 3,29m, tổng diện tích là 43,2m<sup>2</sup>, đồng thời dành quyền khởi kiện cho bà Trịnh Thị B, ông Hà Quang C và bà Lê Thị D đối với diện tích đất ông C, bà D lấn chiếm của bà Trịnh Thị B là 44,8m<sup>2</sup> bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là có cơ sở, phù hợp pháp luật. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trịnh Thị B, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

**[4] Về án phí:** Bà Trịnh Thị B đã trên 60 tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1, Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trịnh Thị B.

*Vì các lẽ trên*

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

**2. Căn cứ:** Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 12, Điều 166, Điều 167, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 235 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2 Luật người cao tuổi.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A

- Buộc bà Trịnh Thị B phải trả lại cho gia đình ông Lê Ngọc Q phần diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa số 138, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính xã M, huyện N, phía Tây giáp QL47C có chiều rộng 1,12m, phía Đông giáp đất của hộ ông S có chiều rộng 3,29m, phía nam có chiều dài 19,59m. Tổng diện tích là 43,2m<sup>2</sup>.

- Buộc bà Trịnh Thị B phải tháo dỡ những công trình xây dựng trên phần diện tích đất đã lấn chiếm để trả lại mặt bằng cho gia đình ông Lê Ngọc Q.

- Giao cho các con của ông Lê Ngọc Q gồm: Chị Lê Thị A, Lê Thị Phi E và Lê Thị F nhận và quản lý phần diện tích đất bà Trịnh Thị B lấn chiếm.

- Giành quyền khởi kiện cho bà Trịnh Thị B, ông Hà Quang C và bà Lê Thị D đối với diện tích đất ông C, bà D lấn chiếm của bà Trịnh Thị B là 44,8m<sup>2</sup> bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

**3. Về án phí:** Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trịnh Thị B.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện N;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Dung**